

NGHIÊN CỨU NHỮNG YẾU TỐ CHỦ QUAN ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN

RESEARCHING ON SUBJECTIVE FACTORS AFFECTING
THE SELF-STUDY ACTIVITIES OF STUDENTS

LÊ CHI LAN

Trường Đại học Sài Gòn, *chilansgu.kt@gmail.com*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 28/5/2020 Ngày nhận lại: 02/6/2020 Duyệt đăng: 22/6/2020 Mã số: TCKH-S02T6-B23-2020 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>hoạt động tự học, ảnh hưởng, yếu tố chủ quan, sinh viên đại học.</i></p> <p>Key words: <i>self-study activities, effect, subjective factors, university students.</i></p>	<p><i>Giáo dục đại học đóng vai trò cung cấp những kiến thức và kỹ năng cho sinh viên tham gia vào thị trường lao động. Tự học có vai trò quan trọng và là một trong những yếu tố quyết định tạo nên kiến thức, kỹ năng và thái độ của con người. Bài viết đã trình bày các khái niệm liên quan, các nghiên cứu có liên quan đến hoạt động tự học của sinh viên. Qua đó chúng tôi đã đề xuất mô hình nghiên cứu những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên như: nhu cầu học tập, mục tiêu học tập, tính chủ động trong học tập, phương pháp học tập và thái độ học tập. Trên cơ sở đánh giá những yếu tố, bài viết đề xuất các kiến nghị giúp cơ sở giáo dục có những hướng tiếp cận mới trong đào tạo để phát huy hoạt động tự học cho sinh viên.</i></p> <p>ABSTRACT</p> <p><i>Higher education plays the role of providing knowledge and skills for students to participate in the labor market. At present, universities is gradually shifting to a choice-based credit system, therefore changing teaching activities to meet the requirement of a choice-based credit system, “learner-centered teaching”, is necessary. Self-study has an important role and is one of the decisive factors in creating learner’s knowledge, skills, and attitudes. The paper writes about concepts and researches related to student’s self-study activities. Thereby, the author proposes a model to study subjective factors affecting students’ self-study activities such as learning needs, learning goals, autonomy in learning, learning methods and learning attitudes. Basing on judging the factors, this article proposes suggestions to help educational institutions have new approach in their training in order to promote self-study activities for students.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp học tập ở đại học khác cơ bản so với phương pháp học ở phổ thông. Ở bậc đại học không có sự kiểm tra hàng ngày của giảng viên nên việc học tập của sinh viên phần lớn là tự học. Bản chất việc tự học của sinh viên đại học là quá trình nhận thức một cách tự giác, tích cực, tự lực không có sự tham gia hướng dẫn trực tiếp của giảng viên nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ học tập. Vì vậy, việc tự học ngoài lớp học đóng vai trò trọng yếu ở đại học. Tự học giúp nâng cao khả năng hiểu biết và tiếp thu tri thức mới của mỗi người học. Nếu thiếu đi sự nỗ lực tự học của bản thân sinh viên thì kết quả không thể cao cho dù có điều kiện ngoại cảnh thuận lợi đến mấy (thầy giỏi, tài liệu hay...), (Luu Xuân Mới, tr.17).

Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng cao khi tạo ra được năng lực sáng tạo của người học, việc tự học sẽ biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục (Trịnh Quốc Lập, 2008, tr.170). Tự học không chỉ dừng lại sau khi hoàn tất quá trình học tập ở trường đại học mà còn phải là một kỹ năng đối với mỗi người chúng ta khi rời ghế nhà trường.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Các nghiên cứu có liên quan đến việc tự học của sinh viên

Tự học đóng vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân và có khá nhiều tác giả nghiên cứu về hoạt động tự học của sinh viên. Cuối thế kỷ XX, trong bối cảnh đào tạo tin chỉ chiếm ưu thế với quan điểm “lấy sinh viên làm trung tâm” của quá trình dạy và học, một loạt các nghiên cứu lý thuyết của các học giả nước ngoài về hoạt động tự học và năng lực tự học ra đời trong lĩnh vực khoa học giáo dục như các học thuyết của Holec (1981), Little (1990), Tudor (1996), Benson (2001), Oxford (2003).

Một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài như tác giả Win & Miller (2005) đã nghiên cứu một số yếu tố có tác động quyết định đến kết quả học tập của 1.803 sinh viên

năm thứ nhất đang theo học 33 chuyên ngành tại Trường Đại học Western Australia. Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng, kết quả học tập của sinh viên do 2 yếu tố chính quyết định, đó là: cá nhân và môi trường học tập. Trong đó, yếu tố năng lực tự học của mỗi cá nhân được coi là yếu tố quan trọng nhất, tác động lớn đến kết quả học tập. Nghiên cứu cũng cho thấy, điểm số đầu vào đại học và kết quả học tập của sinh viên năm nhất có mối tương quan mạnh, thuận chiều với nhau, đồng thời không có sự khác biệt về nơi học (trường công, trường tư) trước khi sinh viên vào đại học đối với kết quả học tập của người học. Bên cạnh đó, tác giả Kirmani & Siddiquah (2008) đã nghiên cứu tác động của một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của 353 sinh viên của các ngành khác nhau thuộc Trường Đại học Punjab, Lahore (Pakistan). Hai tác giả này cho rằng, có 6 yếu tố chính tác động đến thành tích học tập của sinh viên trong trường đại học: học thuật, cá nhân, phương tiện truyền thông, cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ và môi trường tổ chức. Nghiên cứu này có xu hướng khám phá và phân tích các yếu tố đặc trưng ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên đại học. Trong đó, ảnh hưởng bởi đặc điểm cá nhân như hoạt động, động lực, thái độ, năng lực, thói quen tự học, thậm chí cả sức khỏe cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến thành tích học tập của người học.

Tại Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về tự học và xem tự học như chìa khóa của giáo dục trong thời đại bùng nổ thông tin, tiêu biểu là nghiên cứu quá trình dạy là tự học của tác giả Nguyễn Cảnh Toàn (1997); Cao Xuân Hạo (2001); Nguyễn Hiến Lê (2007). Tác giả Tô Minh Thanh và một số cộng sự (2011) đã khảo sát hiện trạng hoạt động tự học của 1.691 sinh viên chính quy văn bằng 1 của 21 khoa/bộ môn trực thuộc Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Nhóm nghiên cứu đề tài đã chỉ ra rằng, sinh viên có hoạt động đúng

về tầm quan trọng của hoạt động tự học đối với kết quả học tập: Có kết quả học tập tốt (1.345 ý kiến, chiếm 79,5%); Rèn luyện khả năng làm việc độc lập (1.299 ý kiến, chiếm 76,8%); Chủ động và linh hoạt hơn trong việc học tập (1.280 ý kiến, chiếm 75,7%); Hiểu bài sâu sắc (1.234 ý kiến, chiếm 73%); Giúp cho bản thân ham học (954 ý kiến, chiếm 56,4%).

Tóm lại: nghiên cứu vấn đề tự học đã có khá nhiều tác giả quan tâm, tuy nhiên những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học chưa được các tác giả thể hiện rõ nét. Mục tiêu của nghiên cứu này sẽ đánh giá những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của người học, đây là một nghiên cứu mang tính thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

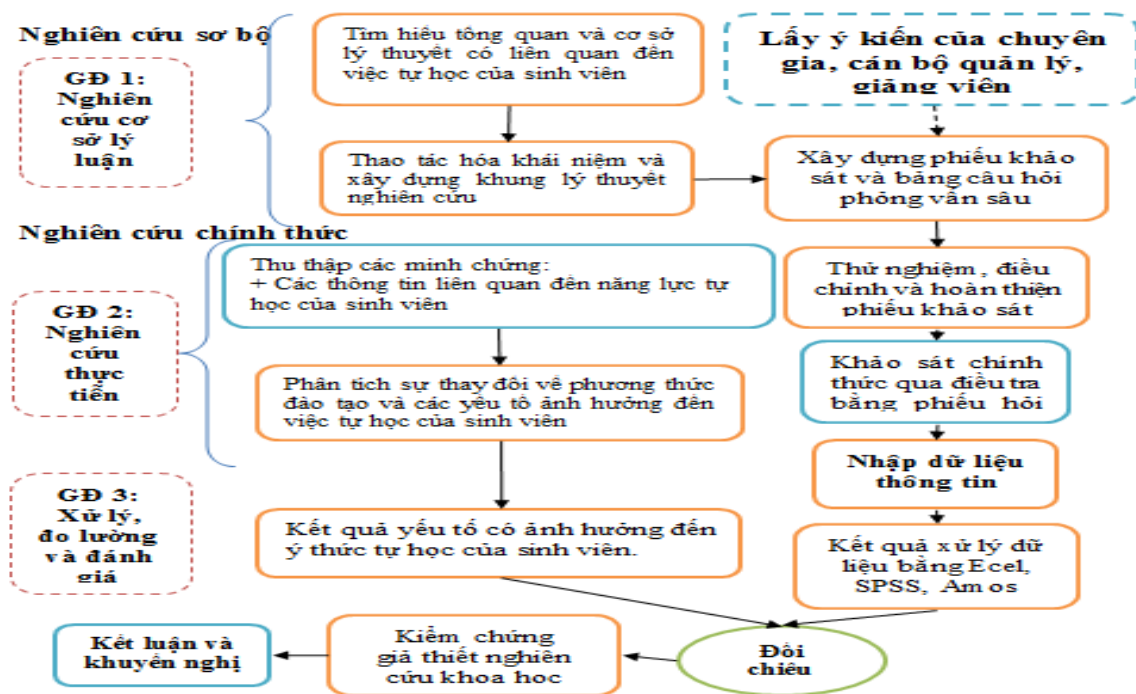
2.2. Mô hình nghiên cứu những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên

Bản thân mỗi người đều có nhu cầu học tập khác nhau, từ nhu cầu này mỗi người sẽ xây dựng cho mình một mục tiêu để vươn đến.

Ngoài ra, để đạt được mục tiêu đặt ra thì hoạt động tự học được thể hiện qua các yếu tố như: Tính chủ động học tập như việc dành thời gian cho học tập, đầu tư vào việc học, tạo động cơ học tập cao đi kèm với tính chủ động trong học tập là phương pháp học tập và thái độ học tập. Tóm lại: có 5 yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên (hình 1): 1) Nhu cầu học tập; 2) Mục tiêu học tập; 3) Tính chủ động trong học tập; 4) Phương pháp học tập; 5) Thái độ học tập.



Hình 1. Khung lý thuyết nghiên cứu yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên



Hình 2. Quy trình nghiên cứu những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên

Hoạt động tự học của sinh viên cao sẽ giúp sinh viên chủ động trong quá trình học tập, ngoài ra những kiến thức, kỹ năng và thái độ thu nhận từ việc tự học sẽ giúp cho sinh viên hành trang tự tin bước vào công việc của mình.

2.3. Đánh giá những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên Đại học Sài Gòn

Do khuôn khổ thời gian nên nhóm tác giả chỉ chọn một số ngành có số lượng đào tạo đông sinh viên đông như: ngành Công nghệ Thông tin, ngành Sư phạm Khoa học xã hội, ngành Giáo dục chính trị và ngành Ngoại ngữ đang theo học tại Trường Đại học Sài Gòn để nghiên cứu và phân tích.

Nhóm nghiên cứu tiến hành đánh giá các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên ở từng nhóm. Cụ thể đối với từng nhóm như sau:

+ Nhóm 1: Mục tiêu học tập gồm 5 tiêu chí đánh giá được mã hóa từ MT1 đến MT5.

+ Nhóm 2: Nhu cầu học tập gồm 4 tiêu chí được mã hóa từ NC1 đến NC4.

+ Nhóm 3: Tính chủ động trong học tập gồm 4 tiêu chí được mã hóa từ CĐ1 đến CĐ4.

+ Nhóm 4: Phương pháp học tập gồm 5 tiêu chí được mã hóa từ PP1 đến PP5.

+ Nhóm 5: Thái độ học tập gồm 4 tiêu chí được mã hóa từ TĐ1 đến TĐ4.

Kết quả thu được ở bảng 1, chúng tôi thấy rằng sinh viên ở 5 ngành đào tạo đang xét cơ bản họ rất phân vân trong việc xây dựng mục tiêu học tập; tính chủ động trong học tập và phương pháp học tập; thái độ học tập (ĐTB khoảng 3.3 điểm, sai số chuẩn là 0.6 và độ lệch chuẩn là 0.3). Vì vậy, có thể nói hoạt động tự học của sinh viên của 5 ngành đang xét chưa cao.

Bảng 1. Đánh giá điểm trung bình và độ lệch chuẩn các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên

STT	Nội dung	Kích cỡ mẫu	GTTB	Sai số chuẩn	Độ lệch chuẩn
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu học tập	526	3.4411	0.51535	0.02247
2	Tiêu chí 2: Nhu cầu học tập	526	3.9911	0.72032	0.03141
3	Tiêu chí 3: Tính chủ động trong học tập	526	3.4843	0.69238	0.03019
4	Tiêu chí 4: Phương pháp học tập	526	3.2650	0.61470	0.02680
5	Tiêu chí 5: Thái độ học tập	526	3.2191	0.62554	0.02728

Về xác định nhu cầu học tập: gồm 4 nội dung được thể hiện qua các nội dung như: Học cho cha mẹ vui lòng; Học để có kiến thức; Học để có bằng cấp tốt khi ra trường và học theo phong trào. Qua khảo sát cho thấy nhu cầu học tập của các em ở mức độ phân vân cao, rõ ràng nhu cầu việc học tập của sinh viên được xác định rõ ràng. Tỷ lệ sinh viên đồng ý nhu cầu học tập để cha mẹ vui lòng chiếm tỷ lệ 49.6%; Học để có kiến thức chiếm tỷ lệ 54.4%; Học để có bằng cấp tốt ra trường chiếm tỷ lệ là 46.9% và tỷ lệ học theo phong trào tỷ lệ là 52.3%. Ngoài ra, hiện nay tỷ lệ sinh viên chọn ngành học theo phong trào khá đông chiếm tỷ lệ 65%,

điều này cho thấy một điều rất đáng lo vì học và chọn ngành nghề không theo năng lực của bản thân thì khó theo đuổi đến cùng. Bản thân sinh viên chưa định hướng được bản thân và sở trường của họ cần gì, theo ngành đào tạo nào phù hợp mà đa số chạy theo trào lưu.

Về xác định mục tiêu học tập: thể hiện qua 4 nội dung cụ thể như: xây dựng mục tiêu ngay từ khi còn học ở trường phổ thông; xây dựng mục tiêu học tập dựa trên nhu cầu học tập; xây dựng mục tiêu ở từng năm học đại học; mục tiêu đạt kết quả cao trong học tập; chỉ cần đủ điểm qua môn học. Theo kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù sinh viên không thể hiện rõ nhu

cầu học tập nhưng khi bước vào trường đại học họ xác định mục tiêu khác nhau. Tỷ lệ đồng ý xây dựng mục tiêu khi còn học phổ thông chiếm 58.1%; Mục tiêu học tập dựa trên nhu cầu học tập chiếm tỷ lệ 53.6%; Xây dựng mục tiêu ở từng năm học đại học chiếm tỷ lệ 63%; Đạt kết quả cao trong học tập chiếm tỉ lệ 61.6% và học chỉ cần đủ điểm qua môn học chiếm tỷ lệ 29.3%. Điều này cho thấy đặt mục tiêu học tập tương đối tốt ảnh hưởng đến hoạt động của tự học, sinh viên có cố gắng trong học tập thể hiện qua việc xây dựng mục tiêu học tập ở từng năm học ở bậc đại học.

Về tính chủ động trong học tập: gồm 4 nội dung như dành nhiều thời gian cho việc học tập; đầu tư cho việc học là ưu tiên số 1; tập trung hết sức mình cho việc học và tạo động cơ học tập cao. Qua thống kê cho thấy, mức độ phân vân khá cao việc sinh viên không chủ động trong học tập. Tỷ lệ sinh viên dành nhiều thời gian cho việc học là 46.8%; coi việc học là nhiệm vụ ưu tiên số 1 tỷ lệ 51.4%; Tập trung hết sức vào việc học tỷ lệ 42.9% và động cơ

học tập cao tỷ lệ 52.3%. Điều này cho thấy kết quả này hoàn toàn trùng khớp với ý kiến của các giảng viên hiện nay là sinh viên chưa chủ động trong học tập chỉ có 50% sinh viên tự giác trong việc học tập.

Về phương pháp học tập: gồm 5 nội dung như đặt thời gian biểu cho học tập; chuẩn bị bài trước khi lên lớp; tóm tắt và tìm ra ý chính khi đọc tài liệu, tìm hiểu mục tiêu môn học trước khi bắt đầu môn học và vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống. Kết quả cho thấy tỷ lệ phân vân khá cao, cụ thể: tỷ lệ sinh viên với mức thỉnh thoảng đến thường xuyên dành nhiều thời gian cho việc học chiếm 33.6%; chuẩn bị bài trước khi đến lớp chiếm tỷ lệ 29.5%; tóm tắt và tìm ra ý chính khi đọc tài liệu chiếm 50.4%; tìm hiểu mục tiêu môn học trước khi bắt đầu môn học 33.1% và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống chiếm tỷ lệ 51%. Điều này cho thấy hiện nay phương pháp học tập của sinh viên chưa hiệu quả là do không có sự chuẩn bị bài trước ở nhà và việc học tập của sinh viên rất thụ động.

Bảng 2. Các hình thức tự học của sinh viên

STT	Hình thức tự học	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Học nhóm	8,7	23,4	51,1	14,1	2,7
2	Đọc bài trước khi đến lớp	2,3	16	53,6	24,9	3,2
3	Lên thư viện học bài	3,4	12	27,9	29,3	27,4
4	Nghe giảng và ghi bài trên lớp cẩn thận về nhà xem và học	11,6	35,2	34,6	16	2,7
5	Trao đổi bài với giảng viên và các bạn những vấn đề chưa hiểu	3,4	24	49,2	19	4,4
6	Lập kế hoạch học tập và kế hoạch sử dụng thời gian	4,9	21,1	46	23,4	4,6
7	Sử dụng sơ đồ tư duy để học tập	4,2	12,7	39,7	29,5	13,9
8	Tìm nơi yên tĩnh để học bài	25,1	41,4	18,4	11	4
9	Ôn lại các kiến thức đã học	9,9	37,1	38	11,2	3,8
10	Áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn	7,2	23,4	46	18,3	5,1
11	Đọc thêm sách tham khảo ngoài giáo trình	8,2	21,7	40,9	21,1	8,2

Về thái độ học tập: gồm 4 nội dung như phát biểu xây dựng bài; Thảo luận và học tập nhóm; tranh luận với giảng viên và tự đánh giá kết quả học tập một cách trung thực. tỷ lệ thỉnh

thoảng và thường xuyên chiếm tỷ lệ không cao, cụ thể: phát biểu xây dựng bài trong lớp chiếm tỷ lệ 24.9%; Thảo luận và học tập nhóm chiếm tỷ lệ 62%; tranh luận với giảng viên chiếm tỷ lệ

19.4% và tự đánh giá kết quả học tập một cách trung thực chiếm tỷ lệ 52%. Qua kết quả thu được cho thấy thái độ học tập của sinh viên hiện nay kém tích cực điều này do không có sự chuẩn bị bài ở nhà nên họ không chủ động được trong giờ học tập trên lớp.

Dựa vào kết quả thu thập từ bảng 2 cho thấy: đa số sinh viên tìm nơi yên tĩnh để học bài chiếm tỷ lệ 66,5% ở mức độ thường xuyên và rất thường xuyên, có 46,8% sinh viên thường xuyên nghe giảng và ghi bài trên lớp cẩn thận về nhà xem và học; có 32,1% sinh viên thường xuyên học nhóm và khoảng 30% sinh viên đồng ý với việc họ phải đọc thêm tài liệu tham khảo và áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Rất ít sinh viên sử dụng bản đồ tư duy vào việc học và lập kế hoạch học tập và kế hoạch sử dụng thời gian. Việc trao đổi bài với giáo viên và các bạn những vấn đề chưa hiểu rất ít được người học sử dụng thường xuyên.

Kế hoạch trong học tập là khâu rất quan trọng không những giúp ta tiết kiệm được thời gian học. Theo thống kê có 72,1% sinh viên gặp khó khăn trong học tập và khoảng 27,9% không gặp khó khăn khi họ bước vào chương trình học đại học khác với chương trình học phổ thông. Theo kết quả thu được, môi trường học tập của sinh viên chỉ có khoảng 37,3% có môi trường học tập tốt. Ngoài ra có 24,3% sinh viên học trong môi trường có nhiều tiếng ồn và chỉ có 38,4% sinh viên có thể khắc phục được mọi môi trường khó khăn.

Bảng 3. Sự khó khăn trong quá trình tìm tài liệu

STT	Nội dung	SL	tỷ lệ %
1	Có	434	82,5
2	Không	92	17,5
Tổng cộng		526	100

Quan sát thống kê bảng 3 cho thấy có khoảng 82,5% sinh viên nhận xét rằng họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu phục vụ

cho việc học. Điều này cho thấy trong quá trình giảng dạy giảng viên cần hỗ trợ nhiều hơn cho sinh viên trong việc tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc học tập.

Ngoài ra theo kết quả bảng 4, trước các hoàn cảnh khó khăn mà các em sinh viên gặp phải thì khoảng 79,7% sinh viên cố gắng tìm mọi cách giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình học tập. Một số ít sinh viên khoảng 7,8% nản chí không muốn tiếp tục việc học, chính vì thế đối với dạng sinh viên này giảng viên cần quan tâm động viên các em nhiều hơn nữa.

Bảng 4. Phản ứng khi gặp những vấn đề khó khăn trong hoạt động học tập

STT	Nội dung	SL	tỷ lệ %
1	Cố gắng hết sức tìm mọi cách giải quyết vấn đề	419	79,7
2	Nản chí và không tiếp tục	41	7,8
3	Ý kiến khác	66	12,5
Tổng cộng		526	100

Theo kết quả bảng 5 có gần 80% sinh viên cho rằng việc học tập của họ bị ảnh hưởng bởi Internet, phim ảnh, facebook, điện thoại. Có thể thấy rằng khi người học có một môi trường học tập lý tưởng thì việc học tập có thể mang lại những hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, chính những điều kiện thuận lợi này lên facebook, lên internet coi phim,... làm mất thời gian cá nhân rất nhiều dẫn đến tình trạng xao lãng việc học tập.

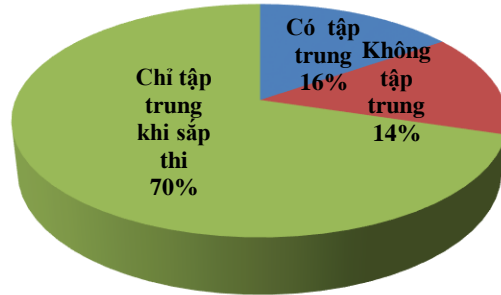
Bảng 5. Sự ảnh hưởng của Internet, phim ảnh, Facebook, điện thoại... đến hoạt động học tập sinh viên

STT	Nội dung	Số lượng	tỷ lệ %
1	Có	418	79,5
2	Không	108	20,5
TC		526	100

Đa số sinh viên nhận thức được việc tự học là cần thiết, tuy nhiên, số giờ dành cho việc học rất hạn chế, đa số chỉ dành từ 1 đến 2 tiếng trong một ngày. Việc đào tạo theo học chế tín

chỉ đòi hỏi người học phải tự học rất nhiều, bản thân người học phải đặt ra mục tiêu học tập phù hợp và với mục tiêu học tập người học phải có phương pháp học tập tốt, hoạt động học tập cao để vượt qua khó khăn trong quá trình học tập. Tuy nhiên, theo kết quả thu được cho thấy, trong quá trình sinh viên gặp nhiều khó khăn về tài liệu và bản thân người học cũng bị chi phối với những ngoại cảnh như: facebook, phim ảnh... Ngoài ra, quan sát thống kê (hình 5) có khoảng 70,3% sinh viên nhận xét họ chỉ tập trung học khi sắp thi. Hiện nay cách học tập khá phổ biến vì đa số các em bên cạnh việc học các em phải làm thêm, dẫn đến tình trạng mệt

mỏi không thể tập trung vào việc học. Việc chuẩn bị bài trước khi đến lớp không được chu đáo. Với cách học gần đến thi mới học vì vậy kiến thức khó có thể khắc sâu và sau khi thi xong hầu như lượng kiến thức còn lại rất ít.



Hình 5. Tỷ lệ sinh viên dành thời gian tập trung vào việc học

Bảng 6. Kiểm định giả thuyết dựa trên giá trị trung bình của tổng thể One-Sample Test

	Test Value = 0					
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Mục tiêu học tập (MT)	153.138	525	.000	3.44106	3.3969	153.138
Nhu cầu học tập (NC)	127.076	525	.000	3.99113	3.9294	127.076
Tính chủ động trong học tập (CĐ)	115.415	525	.000	3.48432	3.4250	115.415
Phương pháp học tập (PP)	121.819	525	.000	3.26502	3.2124	121.819
Thái độ học tập (TĐ)	118.024	525	.000	3.21911	3.1655	118.024

Căn cứ vào kết quả của bảng 6 cho thấy giá trị của kiểm định t về giá trị hoạt động tự học của sinh viên là > 110 ứng với mức ý nghĩa là 0.000. Như vậy, nếu chấp nhận các giả thiết về giá trị trung bình của 5 tiêu chí gồm: Mục tiêu học tập; Nhu cầu học tập; Tính chủ động

trong học tập; Phương pháp học tập và thái độ học tập tương ứng với số điểm trung bình là từ 3,2 điểm đến 3,9 điểm thì nguy cơ phạm sai lầm thấp và thấp dưới mức ý nghĩa trong kiểm định này.

Bảng 7. Sự tương quan giữa các biến số trong nghiên cứu đánh giá sự hài lòng

	MT	NC	CĐ	PP	TĐ
MT	1	0.246**	0.346**	0.313**	0.256**
NC	0.246**	1	0.320**	0.092*	0.164**
CĐ	0.346**	0.320**	1	0.485**	0.373**
PP	0.313**	0.092*	0.485**	1	0.621**
TĐ	0.256**	0.164**	0.373**	0.621**	1

Theo kết quả của bảng kiểm định thống kê bảng 6, chúng tôi có thể kết luận rằng điểm trung bình hoạt động tự học của sinh viên trên 3,0 điểm nhưng chưa đạt đến 4,0 điểm, chứng tỏ hoạt động tự học của sinh viên chưa cao ở mức tương đối (xấp xỉ 3,4 điểm). Sau khi tiến hành kiểm định giả thuyết nghiên cứu tìm hiểu sự tương quan của các biến số trong mô hình, kết quả thu được như sau (bảng 7): Mục tiêu học tập; Nhu cầu học tập; phương pháp học tập và thái độ học tập có mối tương quan thuận với tính chủ động trong học tập hay hoạt động tự học của sinh viên, cụ thể: Hoạt động tự học thay đổi giải thích giải thích do 34.6% là do mục tiêu học tập. Hoạt động tự học của sinh viên có mối tương quan thuận với nhu cầu học tập và được giải thích 32.0% là do nhu cầu học tập của chính bản thân sinh viên. Hoạt động tự học của sinh viên thể hiện có mối tương quan thuận với phương pháp học tập và hoạt động tự học thay đổi được giải thích do 48.5% do phương pháp học tập. Thực tế hoạt động tự học của sinh viên có mối tương quan thuận với thái độ học tập và thay đổi của hoạt động tự học được giải thích do 37.3% do thái độ học tập.

3. KẾT LUẬN

Yếu tố chủ quan ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động tự học của sinh viên đó là nhu cầu

học tập. Vì nếu sinh viên có nhu cầu học tập rõ ràng thì họ sẽ chủ động trong học tập (bảng 6). Yếu tố chủ động trong học tập có liên hệ mật thiết đến mục tiêu học tập, phương pháp học tập và thái độ học tập (bảng 7). Tính chủ động học tập của sinh viên trong học tập chưa cao, bản thân sinh viên chưa dành nhiều thời gian cho học tập như: đọc bài trước khi đến lớp, học nhóm, trao đổi bài với giảng viên và các bạn về những vấn đề chưa hiểu,... (bảng 2). Vì vậy, có thể nói sinh viên chưa xem việc học là ưu tiên hàng đầu và động cơ học tập chưa cao.

Một số kiến nghị đề xuất: Giáo dục cho sinh viên xác định mục tiêu học tập một cách đúng đắn; hình thành phương pháp tự học là khâu cốt lõi để tạo nền tảng cho năng lực tự học. Giảng viên cần phải đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường các hình thức dạy học nhóm, trao đổi thảo luận, nêu lên chính kiến của mình... Muốn đạt được điều này buộc sinh viên phải nghiên cứu tài liệu, phân tích, mổ xẻ các vấn đề trên nhiều khía cạnh khác nhau; giảng viên cần đề ra kế hoạch dạy học cụ thể toàn bộ học phần (hoặc từng chương), cung cấp trước cho sinh viên nghiên cứu để biết mình sẽ làm gì và làm như thế nào trong quá trình học tập bộ môn. Đây cũng là cơ sở để định hướng cho sinh viên vạch ra kế hoạch tự học cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức (2017), *Năng lực học tập và đánh giá năng lực học tập*, Nxb Bách khoa Hà Nội.
2. Đặng Thành Hưng (2012), *Bản chất và điều kiện của việc tự học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 78.
3. Lưu Xuân Múi (2003), *Rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên đại học*, Tạp chí Phát triển Giáo dục.
4. Nguyễn Thị Thi Thu (2010), *Thực trạng tự học của sinh viên Khoa Ngữ văn Anh*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Luận văn Thạc sĩ Xã hội học.
5. Nguyễn Thị Xuân Thủy (2012), *Rèn luyện kỹ năng học tập cho sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục.
6. Phạm Văn Tuấn (2015), *Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực tự học của sinh viên trường đại học Trà Vinh*, Tạp chí khoa học Trường Đại học An Giang, Vol.5.
7. Win, R., & Miller, P. W. (2005), *The Effects of Individual and School Factors on University Students' Academic Performance*, Australian Economic Review, Vol. 38, No. 1, March.